CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cấp nước Thanh Hóa

Ngày 30/06/2025	5,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	34.2%	**34.2%**	**34.2%**

DT thuần
Q2/25
121
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.0| 14.5%
YoY: ▲ 2.00| 2.0%

LN thuần
Q2/25
23.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.9| 244%
YoY: ▲ 5.00| 26.4%

LN sau thuế
Q2/25
17.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.20| 70.6%
YoY: ▲ 1.90| 12.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
17.7%
YoY: +/-▲ 4.6%

ROE (TTM)
Q2/25
16.8%
YoY: +/-▲ 1.6%

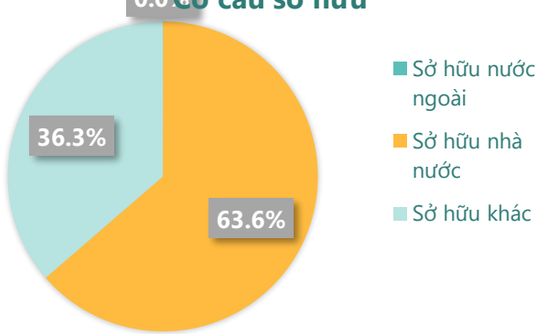
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,800 - 3,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	168
Số lượng CPLH (CP)	32,995,411
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	2,008
P/E	2.5

DT thuần
6T 2025
228
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00| 2.6%

LN thuần
6T 2025
30.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.00| 6.9%

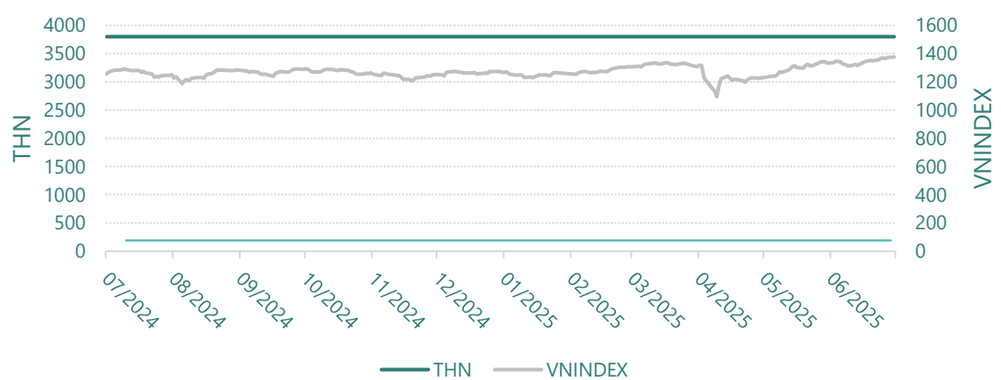
LN sau thuế
6T 2025
27.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.70| 15.7%

Cơ cấu sở hữu

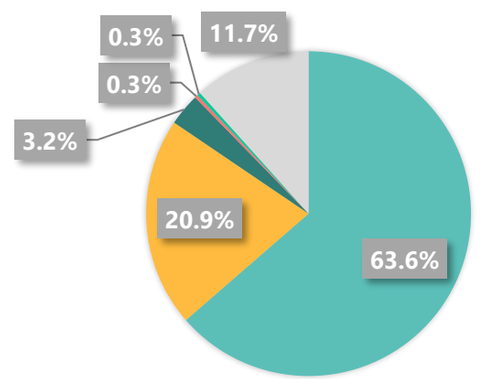


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

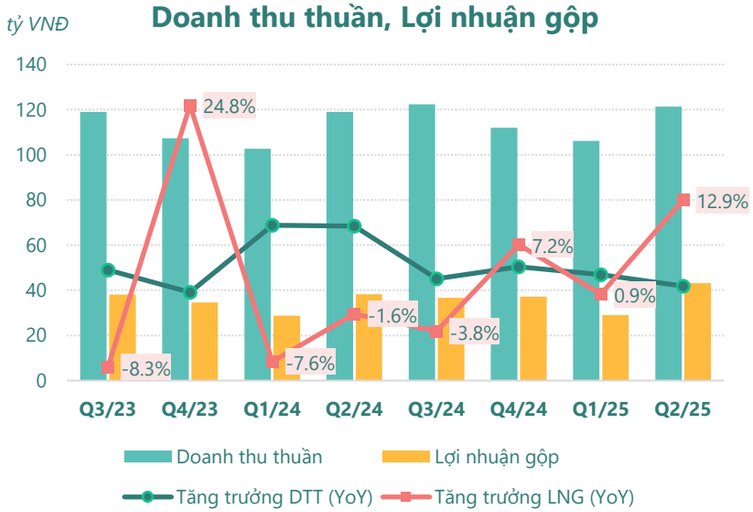


- UBND Tỉnh Thanh Hóa
- Phạm Văn Tú (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Huy Nhẫn
- Nguyễn Ngọc Cần
- Nguyễn Huy Nam
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

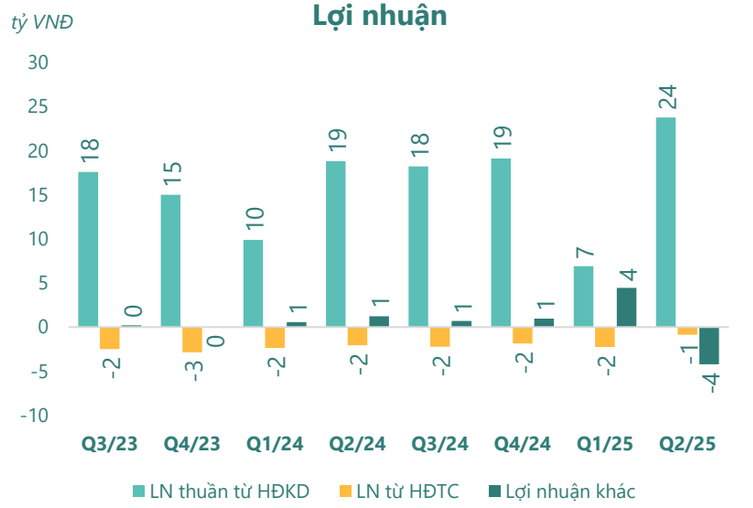
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



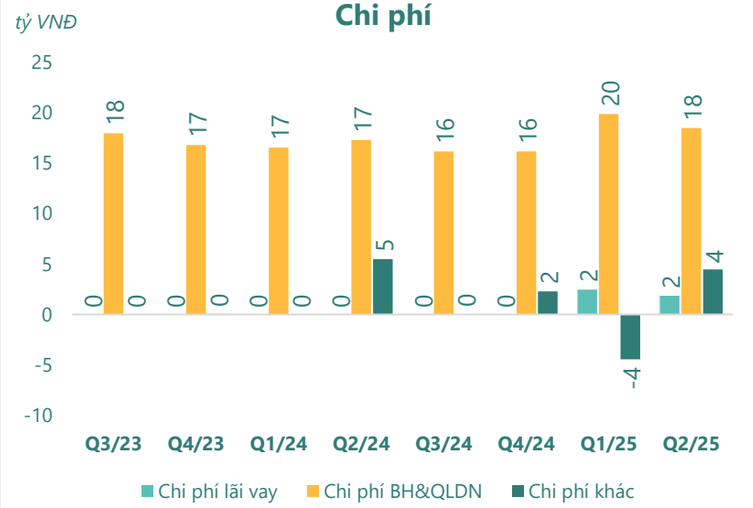
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



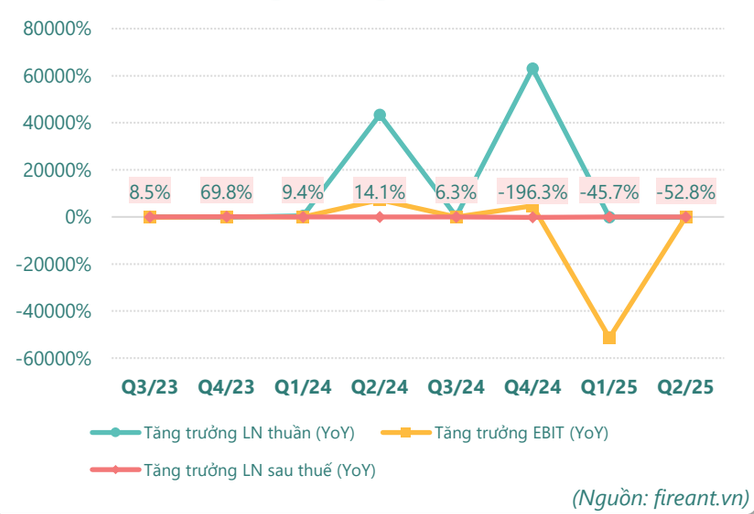
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



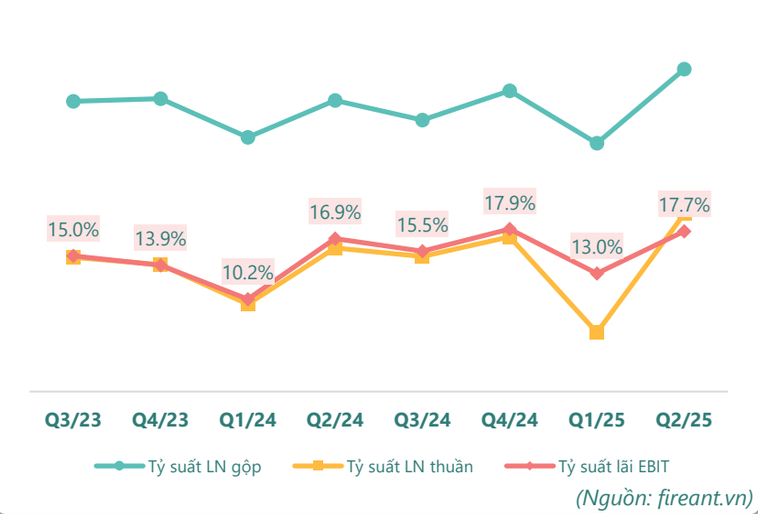
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



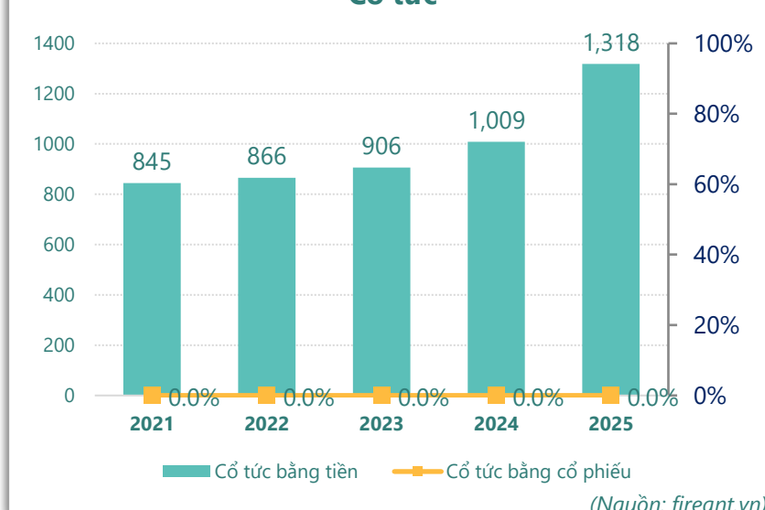
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

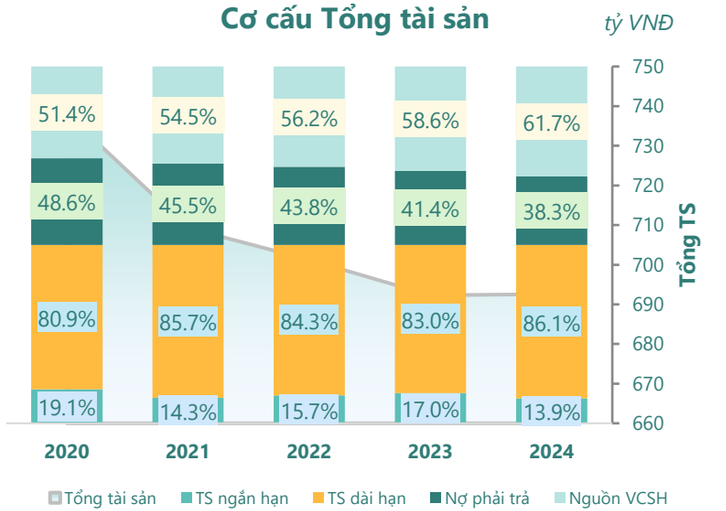
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

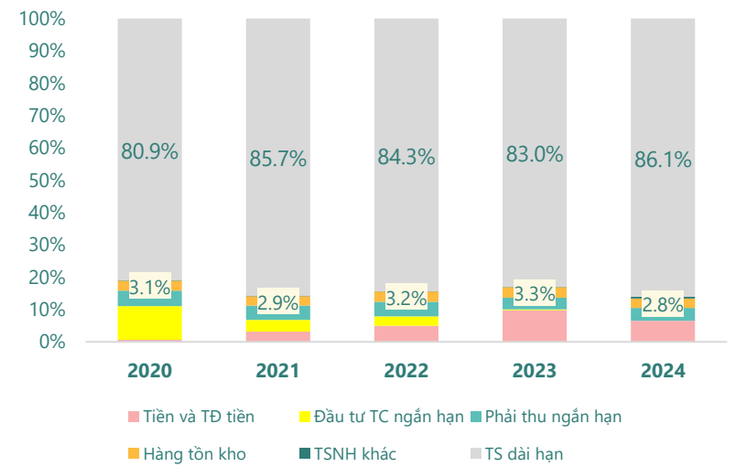
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



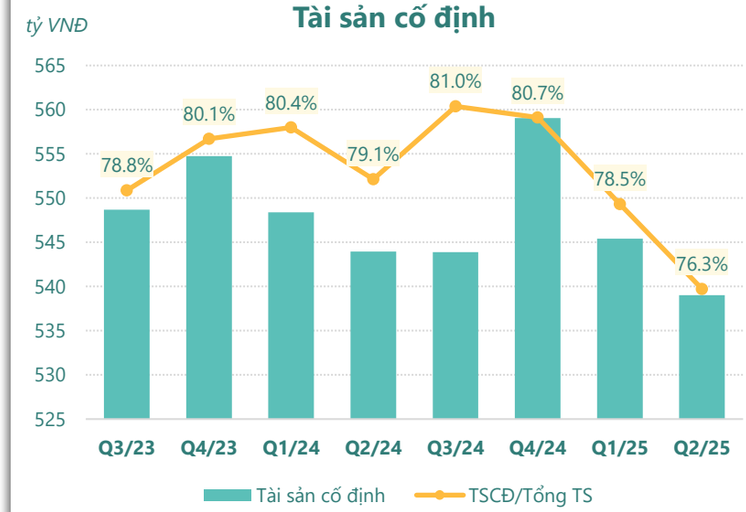
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



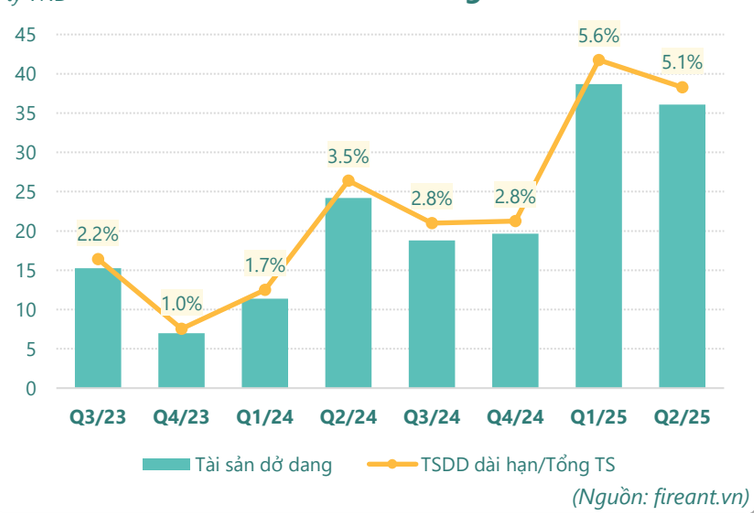
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



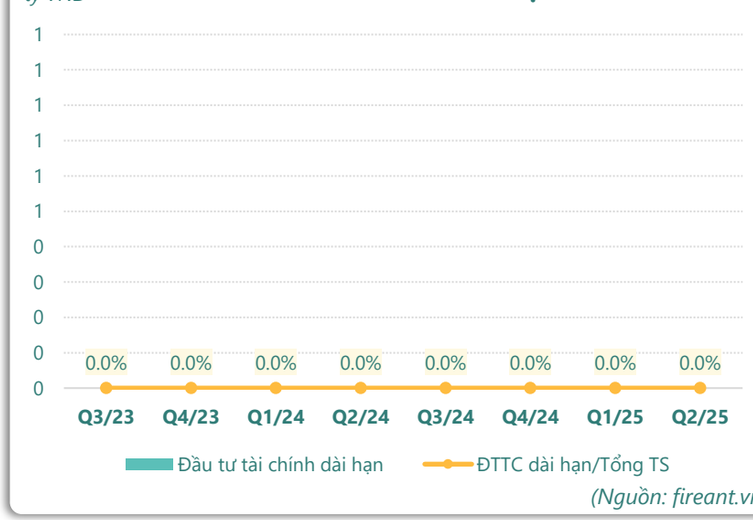
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



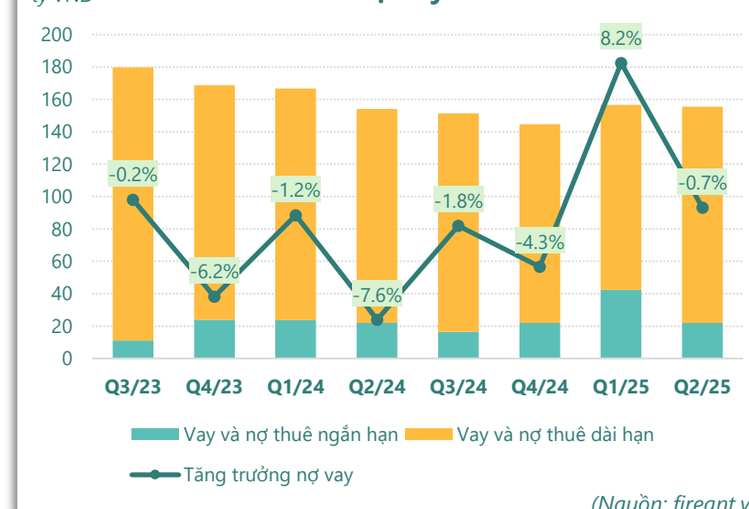
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

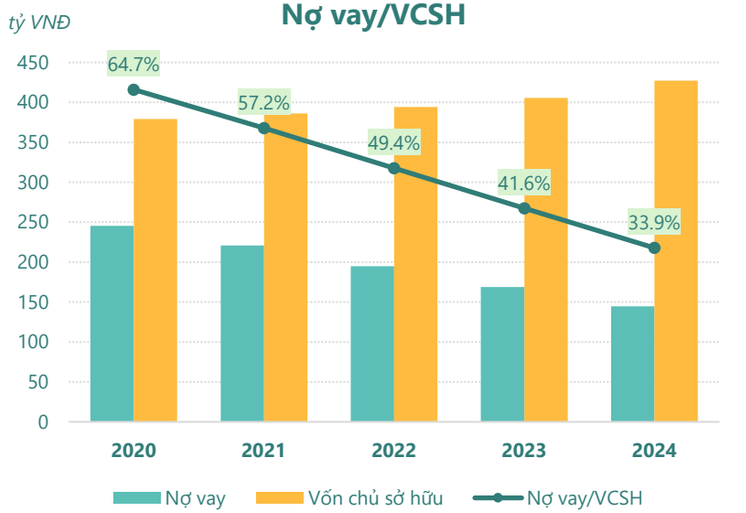
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

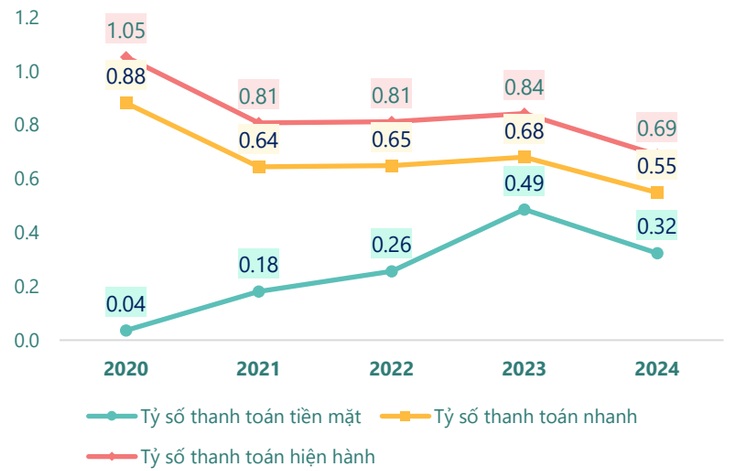
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



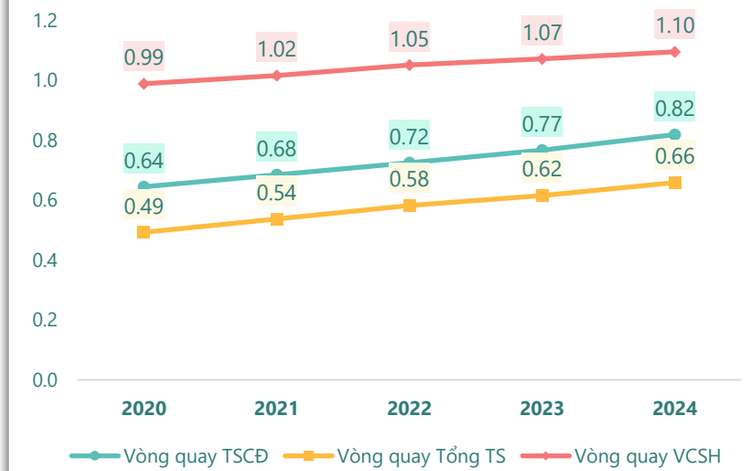
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



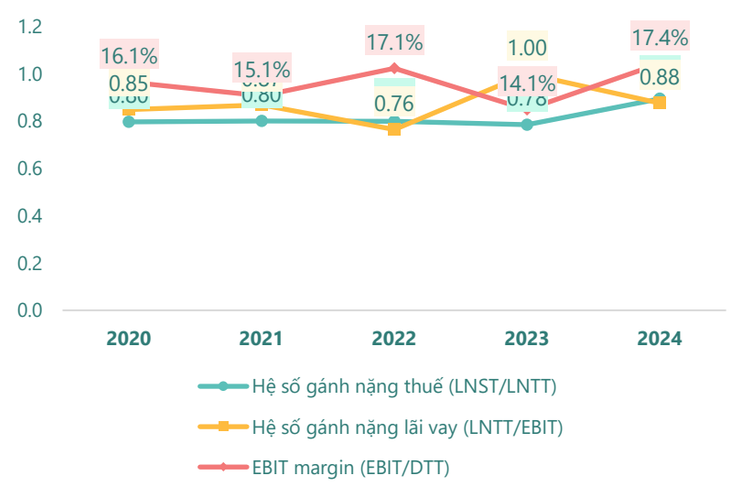
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



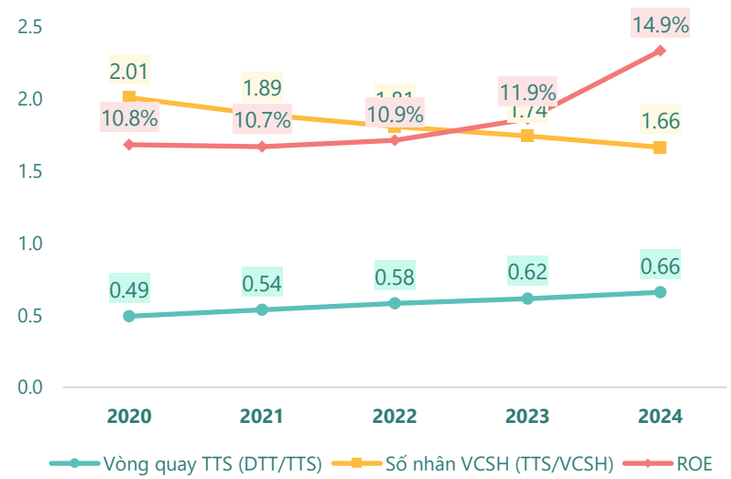
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



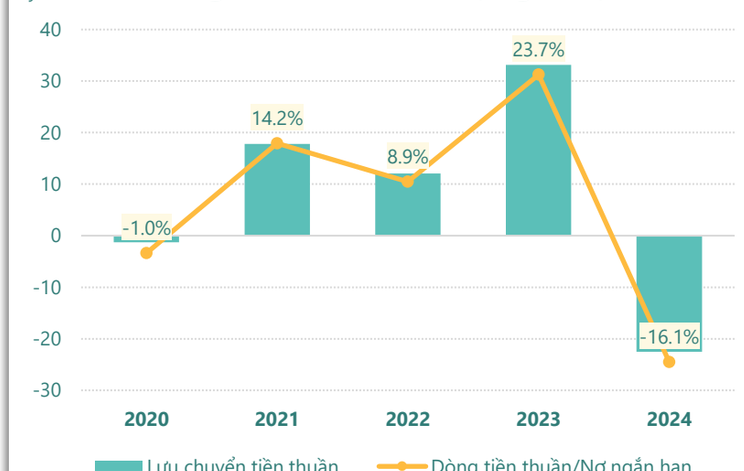
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**121**	**119**	**2.0%**	**228**	**222**	**2.6%**
Giá vốn hàng bán	78.2	80.8	-3.2%	155	155	0.4%
Lợi nhuận gộp	43.1	38.2	12.8%	72.2	67.0	7.7%
Doanh thu HĐTC	1.02	0.35	190%	1.23	0.67	85.0%
Chi phí TC	1.86	2.42	-22.9%	4.34	5.09	-14.8%
Chi phí lãi vay	1.86	0.00		4.34	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	11.6	11.1	4.2%	22.0	20.9	5.2%
Chi phí QLDN	**6.93**	**6.26**	**10.6%**	**16.4**	**13.0**	**26.6%**
LN thuần từ HĐKD	23.8	18.8	26.4%	30.7	28.7	6.9%
Lợi nhuận khác	**-4.21**	**1.24**	**-439%**	**0.24**	**1.81**	**-86.9%**
LN trước thuế	19.6	20.1	-2.7%	30.9	30.5	1.3%
Lợi nhuận sau thuế	**17.4**	**15.5**	**12.3%**	**27.6**	**23.9**	**15.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**17.4**	**15.5**	**12.3%**	**27.6**	**23.9**	**15.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-23.7	60.0	13.5	54.2	-25.9	37.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.23	-37.7	10.5	-48.4	-3.70	-19.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.94	-12.7	-33.7	-8.98	14.4	-3.50
Tiền đầu kỳ	67.7	48.3	58.2	48.5	45.4	30.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-19.4**	**9.63**	**-9.69**	**-3.11**	**-15.3**	**14.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	48.3	58.2	48.5	45.4	30.1	44.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**706**	**693**	**2.0%**
Tài sản ngắn hạn	99.8	96.5	3.4%
Tiền và tương đương tiền	44.5	45.4	-2.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	38.0	27.5	38.1%
Hàng tồn kho	17.1	19.6	-12.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.19	3.98	-95.2%
Tài sản dài hạn	**607**	**596**	**1.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	539	559	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	36.1	19.6	83.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**31.5**	**17.4**	**81.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	304	265	14.7%
Nợ ngắn hạn	**168**	**140**	**20.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.8	21.8	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	37.4	36.3	3.0%
Nợ dài hạn	136	125	8.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	134	123	8.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**402**	**427**	**-5.9%**
Vốn chủ sở hữu	**402**	**427**	**-5.9%**
Vốn điều lệ	330	330	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)